



**TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH**

- **Hệ thống chính sách
thuế liên quan đến thuế
xuất khẩu, thuế nhập
khẩu:**

TỔNG CỤC HẢI QUAN CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH

- 1. Hệ thống chính sách thuế:
- 1.1 *Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:*
- 1.2 *Thuế Tiêu thụ đặc biệt:*
- 1.3 *Thuế Giá trị gia tăng:*
- 1.4 *Thuế Bảo vệ môi trường.*

TỔNG CỤC HẢI QUAN CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH

- ***Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:***
 - Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH 11 ngày 14/6/2005.
 - Nghị định 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

-

TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH

- ***Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (tiếp) :***
 - Thông tư 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục Hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu,

TỔNG CỤC HẢI QUAN CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH

- ***Thuế Tiêu thụ đặc biệt:***
 - Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 ngày 14/11/2008
 - Nghị định số 26/2009/NĐ-CP ngày 16/3/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế TTĐB.

TỔNG CỤC HẢI QUAN CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH

- *Thuế Tiêu thụ đặc biệt (tiếp):*
 - Thông tư 64/2009/TT-BTC ngày 27/3/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 26/2009/NĐ-CP ngày 16/3/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế TTĐB.

TỔNG CỤC HẢI QUAN CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH

- ***Thuế Giá trị gia tăng:***
 - Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008
 - Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2008 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT.

TỔNG CỤC HẢI QUAN CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH

- *Thuế Giá trị gia tăng (tiếp):*
 - Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT và hướng dẫn thi hành Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT.

TỔNG CỤC HẢI QUAN CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH

- Thuế Bảo vệ môi trường:
- Luật Thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội.
- Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế bảo vệ môi trường.
- Nghị quyết số 1269/2011/NQ-UBTVQH12 ngày 14 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

TỔNG CỤC HẢI QUAN CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH

- **Nguyên tắc chung về chính sách thuế:**
 - Chính sách ưu đãi để khuyến khích đầu tư, phát triển kinh tế trong nước;
 - Chính sách ưu đãi khuyến khích sản xuất, xuất khẩu.
 - Tùy theo từng trường hợp cụ thể được áp dụng theo các hình thức ưu đãi về thuế như sau:

TỔNG CỤC HẢI QUAN CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH

- Nguyên tắc chung về chính sách thuế (tiếp):
 - Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - Thuộc đối tượng miễn thuế, xét miễn thuế;
 - Thuộc đối tượng hoàn thuế, không thu thuế.

TỔNG CỤC HẢI QUAN CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ tính thuế.

*Đối với thuế NK thông thường có 2 cách tính:
theo tỷ lệ % :*

Số lượng từng mặt hàng thực tế xuất khẩu, nhập khẩu
ghi trong tờ khai hải quan;

Giá tính thuế từng mặt hàng;

Thuế suất từng mặt hàng.

TỔNG CỤC HẢI QUAN CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH

- **Căn cứ tính thuế (tiếp)**

theo thuế tuyệt đối:

Số lượng từng mặt hàng thực tế xuất khẩu, nhập khẩu ghi trong tờ khai hải quan;

Mức thuế tuyệt đối trên một đơn vị hàng hóa.

TỔNG CỤC HẢI QUAN CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH

- **Căn cứ tính thuế (tiếp)**

Đối với thuế TTĐB:

Thuế TTĐB phải nộp = Giá tính thuế TTĐB x Thuế suất thuế TTĐB.

Đối với thuế GTGT hàng nhập khẩu:

Thuế GTGT phải nộp = Giá tính thuế GTGT x Thuế suất thuế GTGT.

Nội dung về Chính sách thuế (mới)

- Không còn chính sách ân hạn thuế 30 ngày đối với hàng nhập kinh doanh;
- Đối với hàng hóa nhập kinh doanh phải thực hiện nộp thuế trước khi thông quan, giải phóng hàng hóa, hoặc phải có ngân hàng bảo lãnh số tiền thuế phải nộp.
- Thời hạn ân hạn thuế 275 ngày đối với nguyên liệu vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu vẫn còn nhưng điều kiện được hưởng chính sách này có thay đổi:

Nội dung về Chính sách thuế (mới)

- + Có cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu trên lãnh thổ Việt nam;
- + Có thời gian hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu ít nhất hai năm liên tục tính đến ngày đăng ký tờ khai;
- + Tuân thủ pháp luật về kế toán, thống kê;
- + Thực hiện thanh toán qua ngân hàng.

Nội dung về Chính sách thuế (mới)

- Không còn chính sách ân hạn thuế 15 ngày đối với hàng hóa kinh doanh theo phương thức tạm nhập tái xuất;
- Đối với hàng kinh doanh TN-TX phải nộp thuế trước khi thông quan, giải phóng hàng hóa, hoặc phải có ngân hàng bảo lãnh số tiền thuế phải nộp

Nội dung về Chính sách thuế (mới)

- Bảo lãnh thuế đối với hàng kinh doanh vẫn bị tính tiền chậm nộp 0,05% / ngày kể từ ngày được thông quan hoặc giải phóng hàng hóa. Trước đây sang ngày thứ 31 mới bị tính phạt chậm nộp.
- Hàng nhập SSXK và TN-TX không bị tính phạt chậm nộp trong thời hạn bảo lãnh như đối với hàng kinh doanh.
- Mức tiền chậm nộp được nâng lên 0,07% / ngày trường hợp quá thời hạn bị cưỡng chế (90 ngày) trường hợp doanh nghiệp và ngân hàng chưa nộp thuế. Trước đây không quy định.

Nội dung về Chính sách thuế (mới)

- Hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hoá xuất khẩu đã được áp dụng thời hạn nộp thuế 275 ngày hoặc được gia hạn thời hạn nộp thuế dài hơn 275 ngày nhưng không sản xuất hàng xuất khẩu hoặc kiểm tra, phát hiện không đáp ứng đủ một trong các điều kiện quy định tại điểm a khoản này hoặc xuất khẩu sản phẩm ngoài thời hạn nộp thuế thì xử lý như sau:

Nội dung về Chính sách thuế (mới)

Chuyển tiêu thụ nội địa:

- * Người nộp thuế phải nộp đủ các loại thuế, tiền chậm nộp kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu ban đầu đến ngày thực nộp thuế đối với số hàng hóa chuyển tiêu thụ nội địa.
- * Trường hợp do phía nước ngoài hủy hợp đồng xuất khẩu hoặc có lý do khách quan bất khả kháng, người nộp thuế bắt buộc phải chuyển tiêu thụ nội địa thì phải kê khai nộp đủ các loại thuế khi chuyển tiêu thụ nội địa, tính tiền chậm nộp kể từ ngày thực tế chuyển tiêu thụ nội địa. Cục hải quan tỉnh, thành phố căn cứ giải trình của doanh nghiệp, xem xét xử lý từng trường hợp.

Nội dung về Chính sách thuế (mới)

Tái xuất nguyên liệu, vật tư:

Người nộp thuế phải tính và nộp tiền chậm nộp kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan ban đầu đến ngày thực tái xuất. Trường hợp do phía nước ngoài hủy hợp đồng xuất khẩu vì lý do khách quan, thì không tính và không phải nộp tiền chậm nộp thuế. Cục hải quan tỉnh, thành phố căn cứ giải trình của doanh nghiệp, xem xét xử lý từng trường hợp.

- **Xuất khẩu sản phẩm ngoài thời hạn nộp thuế:**

Người nộp thuế phải tính và nộp tiền chậm nộp kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế đến ngày thực xuất khẩu sản phẩm hoặc đến ngày thực nộp thuế (nếu ngày thực nộp thuế trước ngày thực xuất khẩu sản phẩm). Trường hợp việc xuất khẩu ngoài thời hạn quy định là do phía khách hàng nước ngoài, thì không tính và không phải nộp tiền chậm nộp thuế.

Nội dung về Chính sách thuế (mới)

- Kiểm tra, phát hiện không đáp ứng đủ một trong các điều kiện quy định tại điểm a khoản này: người nộp thuế phải nộp đủ các loại thuế và tiền chậm nộp kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu đến ngày thực nộp thuế và bị xử phạt vi phạm theo quy định.

Nội dung mới về bảo lãnh

- Bảo lãnh chung

- Ngân hàng có thể cấp một chứng thư bảo lãnh cho một doanh nghiệp với một số tiền nhất định trong một khoảng thời gian nhất định;
- Bảo lãnh chung có hiệu lực và giá trị sử dụng trên phạm vi toàn quốc (VNACCS);
- Hệ thống sẽ thực hiện trừ lùi tiền thuế phát sinh vào hạn mức bảo lãnh chung;
- Hạn mức bảo lãnh chung sẽ tự động phục hồi sau khi người khai hải quan nộp đủ tiền thuế (VNACCS).

Cơ quan hải quan chấp nhận áp dụng bảo lãnh nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Điều kiện người nộp thuế được áp dụng bảo lãnh:

Người nộp thuế có vốn chủ sở hữu 10 tỷ đồng trở lên (theo báo cáo tài chính của năm trước liền kề năm đăng ký tờ khai hải quan), có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu **tối thiểu 365 ngày tính đến ngày đăng ký tờ khai hải quan cho lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu. Trong thời gian 365 ngày trở về trước, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan cho lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu được cơ quan hải quan xác định là:**

Không có trong danh sách đã bị xử lý về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới của cơ quan hải quan;

Không có trong danh sách đã bị xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận thuế của cơ quan hải quan;

- 
- * Không quá hai lần bị xử lý về các hành vi vi phạm khác về hải quan (bao gồm cả hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu) với mức phạt tiền vượt thẩm quyền của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính;
 - * Không có trong danh sách còn nợ tiền thuế quá hạn, tiền chậm nộp, tiền phạt tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan;
 - * Có Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng ghi rõ số tiền thuế thực hiện bảo lãnh, thời hạn bảo lãnh, cam kết với cơ quan hải quan liên quan về việc bảo đảm khả năng thực hiện và chịu trách nhiệm nộp đủ tiền thuế và tiền chậm nộp thay cho người nộp thuế khi hết thời hạn bảo lãnh nhưng người nộp thuế chưa nộp thuế;

Nội dung về Chính sách thuế

1. Căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế :

Mục 1 : Phần V Thông tư, từ Điều 92 đến Điều 96.

2. Thời điểm tính thuế, tỷ giá tính thuế :

Mục 2, Phần V Thông tư, từ Điều 98 đến Điều 99.

3. Các trường hợp miễn thuế, thủ tục miễn thuế :

Mục 3, Phần V Thông tư, từ Điều 100 đến Điều 103.

Nội dung về Chính sách thuế

4. Các trường hợp xét miễn thuế, thủ tục xét miễn thuế :

Mục 4, Phần V Thông tư, từ Điều 104 đến Điều 107.

5. Các trường hợp xét giảm thuế, thủ tục xét giảm thuế :

Mục 5, Phần V Thông tư, từ Điều 108 đến Điều 111.

6. Các trường hợp hoàn thuế, thủ tục hoàn thuế :

Mục 6, Phần V Thông tư, từ Điều 112 đến Điều 131.

Miễn thuế

1. Hàng hoá tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để tham dự hội chợ, triển lãm, ...
2. Hàng hóa là tài sản di chuyển của tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài mang vào Việt Nam hoặc mang ra nước ngoài trong mức quy định,
3. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao tại Pháp lệnh Ưu đãi, miễn trừ ngoại giao.

Miễn thuế

4. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để gia công được miễn thuế theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP
5. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế của người xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh trong định mức miễn thuế theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Miễn thuế

6. Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trong định mức, nếu vượt quá định mức thì phải nộp thuế đối với phần vượt định mức.
7. Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư vào lĩnh vực được ưu đãi về thuế nhập khẩu
 - Thực hiện đăng ký Danh mục hàng hoá miễn thuế theo quy định.
 - Danh mục hàng hoá nhập khẩu miễn thuế phù hợp với ngành nghề, lĩnh vực đầu tư, mục tiêu, quy mô của dự án

Miễn thuế

- Thời điểm đăng ký Danh mục: Trước khi đăng ký tờ khai nhập khẩu đầu tiên của dự án, hạng mục, giai đoạn dự án hoặc dự án mở rộng.
- Đáp ứng các quy định về tài sản cố định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Danh mục nguyên liệu, vật tư trong nước đã sản xuất được để làm căn cứ thực hiện việc miễn thuế nêu tại điểm này thực hiện theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Miễn thuế

8. Giống cây trồng, vật nuôi được phép nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

Miễn thuế

9. Việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu nêu tại khoản 7, 8 Điều này được áp dụng cho cả trường hợp mở rộng quy mô dự án, thay thế công nghệ, đổi mới công nghệ.
10. Miễn thuế *lần đầu* đối với hàng hóa là trang thiết bị nhập khẩu theo danh mục quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 87/2010/NĐ-CP để tạo tài sản cố định của dự án được ưu đãi về thuế nhập khẩu,

Miễn thuế

11. Hàng hoá nhập khẩu để phục vụ hoạt động dầu khí
12. Hàng hoá của cơ sở đóng tàu được miễn thuế xuất khẩu đối với các sản phẩm tàu biển xuất khẩu và được miễn thuế nhập khẩu đối với:
 - a) Các loại máy móc, trang thiết bị để tạo tài sản cố định đáp ứng điều kiện nêu tại điểm a khoản 7 Điều này.
 - b) Phương tiện vận tải nằm trong dây chuyền công nghệ để tạo tài sản cố định.

Miễn thuế

13. Miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm mà trong nước chưa sản xuất được.
14. Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu để sử dụng trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Miễn thuế

15. Miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn năm năm, kể từ ngày bắt đầu sản xuất đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của các dự án đầu tư vào:

- a) Lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 87/2010/NĐ-CP
- b) Địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn (trừ các dự án sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy, điều hòa, máy sưởi, tủ lạnh, máy giặt, quạt điện, máy rửa bát đĩa, đầu đĩa, dàn âm thanh, bàn là điện, ấm đun nước, máy sấy khô tóc, làm khô tay, rượu, bia, thuốc lá,...).

Miễn thuế

16. Hàng hoá sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài khi nhập khẩu vào thị trường trong nước được miễn thuế nhập khẩu.
17. Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải do các nhà thầu nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam theo phương thức tạm nhập, tái xuất để thực hiện dự án ODA tại Việt Nam, được miễn thuế nhập khẩu khi tạm nhập và thuế xuất khẩu khi tái xuất

Miễn thuế

- *Riêng đối với xe ô tô dưới 24 chỗ ngồi và xe ô tô có thiết kế vừa chở người, vừa chở hàng tương đương xe ô tô dưới 24 chỗ ngồi không áp dụng hình thức tạm nhập, tái xuất.*
- *Các nhà thầu nước ngoài có nhu cầu nhập khẩu vào Việt Nam để sử dụng phải nộp thuế nhập khẩu theo quy định.*
- *Khi hoàn thành việc thi công công trình các nhà thầu nước ngoài phải tái xuất ra nước ngoài số xe đã nhập và được hoàn lại thuế nhập khẩu đã nộp. Mức hoàn thuế được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 9 Điều 112 Thông tư này.*

Miễn thuế

18. Hàng hoá là nguyên liệu, vật tư và bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được, nhập khẩu để phục vụ sản xuất của các dự án đầu tư trong khu kinh tế cửa khẩu
19. Hàng hoá nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế theo quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
20. Miễn thuế trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại khoản 20 Điều 12 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ.

Xét miễn thuế

1. Hàng hoá nhập khẩu là hàng chuyên dùng trực tiếp phục vụ cho an ninh, quốc phòng
2. Hàng hoá nhập khẩu là hàng chuyên dùng trực tiếp phục vụ cho nghiên cứu khoa học
3. Hàng hoá nhập khẩu là hàng chuyên dùng trực tiếp phục vụ cho giáo dục, đào tạo
4. Hàng hoá được phép xuất khẩu, nhập khẩu làm quà biếu, quà tặng, hàng mẫu,

Xét miễn thuế

5. Hàng hoá nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.
 6. Hàng hoá miễn thuế theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
- Thẩm quyền xét miễn được quy định tại Điều 107.

Giảm thuế

- Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đang trong quá trình giám sát của cơ quan hải quan, nếu bị hư hỏng, mất mát được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám định chứng nhận thì được xét giảm thuế tương ứng với tỷ lệ tổn thất thực tế của hàng hoá.
- Thẩm quyền: Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai .

Hoàn thuế

1. Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế nhập khẩu nhưng còn lưu kho, lưu bãi tại cửa khẩu và đang chịu sự giám sát của cơ quan Hải quan, được tái xuất ra nước ngoài.
2. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu nhưng không xuất khẩu, nhập khẩu.
3. Hàng hóa đã nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu nhưng thực tế xuất khẩu hoặc nhập khẩu ít hơn.

Hoàn thuế

4. Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu hoặc xuất vào khu phi thuế quan
5. Hàng hóa đã nộp thuế nhập khẩu sau đó xuất khẩu trong các trường hợp :
 - a. Hàng hóa nhập khẩu để giao, bán cho nước ngoài thông qua các đại lý tại Việt Nam;
 - b. Hàng hóa nhập khẩu để bán cho các phương tiện của các hãng nước ngoài trên các tuyến đường quốc tế qua cảng Việt Nam và các phương tiện của Việt Nam trên các tuyến đường quốc tế theo quy định của Chính phủ.

Hoàn thuế

6. Hàng hóa tạm nhập khẩu để tái xuất khẩu hoặc hàng hóa tạm xuất khẩu để tái nhập khẩu;
7. Hàng hóa đã xuất khẩu nhưng phải nhập khẩu trở lại Việt Nam thì được xét hoàn thuế xuất khẩu đã nộp và không phải nộp thuế nhập khẩu.
8. Hàng hóa nhập khẩu nhưng phải tái xuất trả lại chủ hàng nước ngoài hoặc tái xuất sang nước thứ ba hoặc xuất vào khu phi thuế quan được xét hoàn lại thuế nhập khẩu đã nộp tương ứng với số lượng hàng thực tế tái xuất và không phải nộp thuế xuất khẩu.

Hoàn thuế

9. Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất (trừ trường hợp đi thuê) để thực hiện các dự án đầu tư, ...
10. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua đường dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh quốc tế mà doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ này đã nộp thuế thay cho chủ hàng nhưng không giao được hàng hóa cho người nhận phải tái xuất, tái nhập hoặc trường hợp hàng hóa bị tịch thu, tiêu hủy theo quy định của pháp luật thì được hoàn lại số tiền thuế đã nộp.

Hoàn thuế

11. Các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định trong lĩnh vực hải quan, hàng hoá đang trong sự giám sát, quản lý của cơ quan hải quan là tang vật vi phạm, bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định tịch thu hàng hoá thì được hoàn lại số tiền thuế xuất khẩu hoặc thuế nhập khẩu đã nộp.
12. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu nhưng sau đó được miễn thuế, giảm thuế theo quyết định cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Hoàn thuế

- Nguyên tắc chung:
- Hàng hóa không sử dụng, kinh doanh, tiêu dùng trong nước được xét hoàn thuế
- Đối với từng trường hợp cụ thể, hồ sơ hoàn thuế phải đáp ứng đầy đủ theo quy định được hướng dẫn chi tiết từ Điều 113 đến Điều 125

Không thu thuế

- Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng hoàn thuế nhưng còn trong thời hạn nộp thuế và chưa nộp thuế nhưng thực tế đã xuất khẩu hoặc nhập khẩu thì hồ sơ không thu thuế của từng trường hợp thực hiện như hồ sơ hoàn thuế nhưng không bao gồm chứng từ nộp thuế. Điều 126

Ấn định thuế

1. Ấn định thuế theo hướng dẫn tại Thông tư này là việc cơ quan hải quan thực hiện quyền hạn xác định các yếu tố, căn cứ tính thuế và tính thuế, thông báo, yêu cầu người nộp thuế phải nộp số tiền thuế do cơ quan hải quan xác định thuộc các trường hợp nêu tại khoản 2 Điều này.
2. Cơ quan hải quan thực hiện ấn định thuế trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 106/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

Ăn định thuế

- a) Khai thuế dựa vào các tài liệu không hợp pháp để khai thuế, tính thuế; không kê khai hoặc kê khai không đầy đủ, chính xác các nội dung liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế;
- b) Từ chối hoặc trì hoãn, kéo dài quá thời hạn quy định về việc cung cấp các tài liệu liên quan cho cơ quan hải quan để xác định số thuế phải nộp; không chứng minh hoặc quá thời hạn quy định mà không giải trình được các nội dung liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật;

Ăn định thuế

- c) Cơ quan Hải quan có đủ cơ sở chứng minh việc khai báo trị giá hải quan của người nộp thuế không đúng với trị giá giao dịch thực tế;
- d) Người khai thuế không tự tính được số thuế phải nộp;
- đ) Các trường hợp khác do cơ quan Hải quan hoặc cơ quan khác phát hiện việc kê khai, tính thuế không đúng với quy định của pháp luật thuế;

Xử lý tiền thuế, tiền phạt nộp thừa

- a) Nếu người nộp thuế không còn nợ *tiền thuế quá hạn*, tiền phạt thì thực hiện hoàn trả tiền thuế, tiền phạt cho người nộp thuế theo đúng quy định.
- b) Trường hợp người nộp thuế còn nợ tiền thuế, tiền phạt của các lô hàng cùng loại hình nhập khẩu, cơ quan hải quan thực hiện bù trừ số tiền thuế, tiền phạt nộp thừa, được hoàn với số tiền thuế nợ hoặc tiền phạt người nộp thuế còn nợ.

Xử lý tiền thuế, tiền phạt nộp thừa

- d) Nếu sau khi đã thực hiện bù trừ như nêu trên mà còn thừa, cơ quan hải quan nơi người nộp thuế có số tiền thuế, tiền phạt được hoàn, nộp thừa làm thủ tục hoàn trả số tiền thuế, tiền phạt còn lại cho người nộp thuế.
- Việc xử lý số tiền thuế, tiền phạt nộp thừa hướng dẫn tại Điều này không áp dụng đối với số tiền thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu do người nộp thuế nộp nhầm, nộp thừa cho cơ quan hải quan (cơ quan hải quan không hoàn thuế giá trị gia tăng).

Xử lý tiền thuế, tiền phạt nộp thừa

- Trường hợp người nộp thuế nộp nhầm, nộp thừa thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu cho cơ quan hải quan trong kỳ năm ngân sách mà người nộp thuế hoặc cơ quan hải quan phát hiện thì thực hiện điều chỉnh theo mẫu C1-07 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2008

Một số trường hợp lưu ý

1. Chứng từ thanh toán qua ngân hàng:

Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Lưu ý: Khoản 4 Phụ lục 1: Các trường hợp thanh toán sau cũng được coi là thanh toán qua ngân hàng.

Một số trường hợp lưu ý

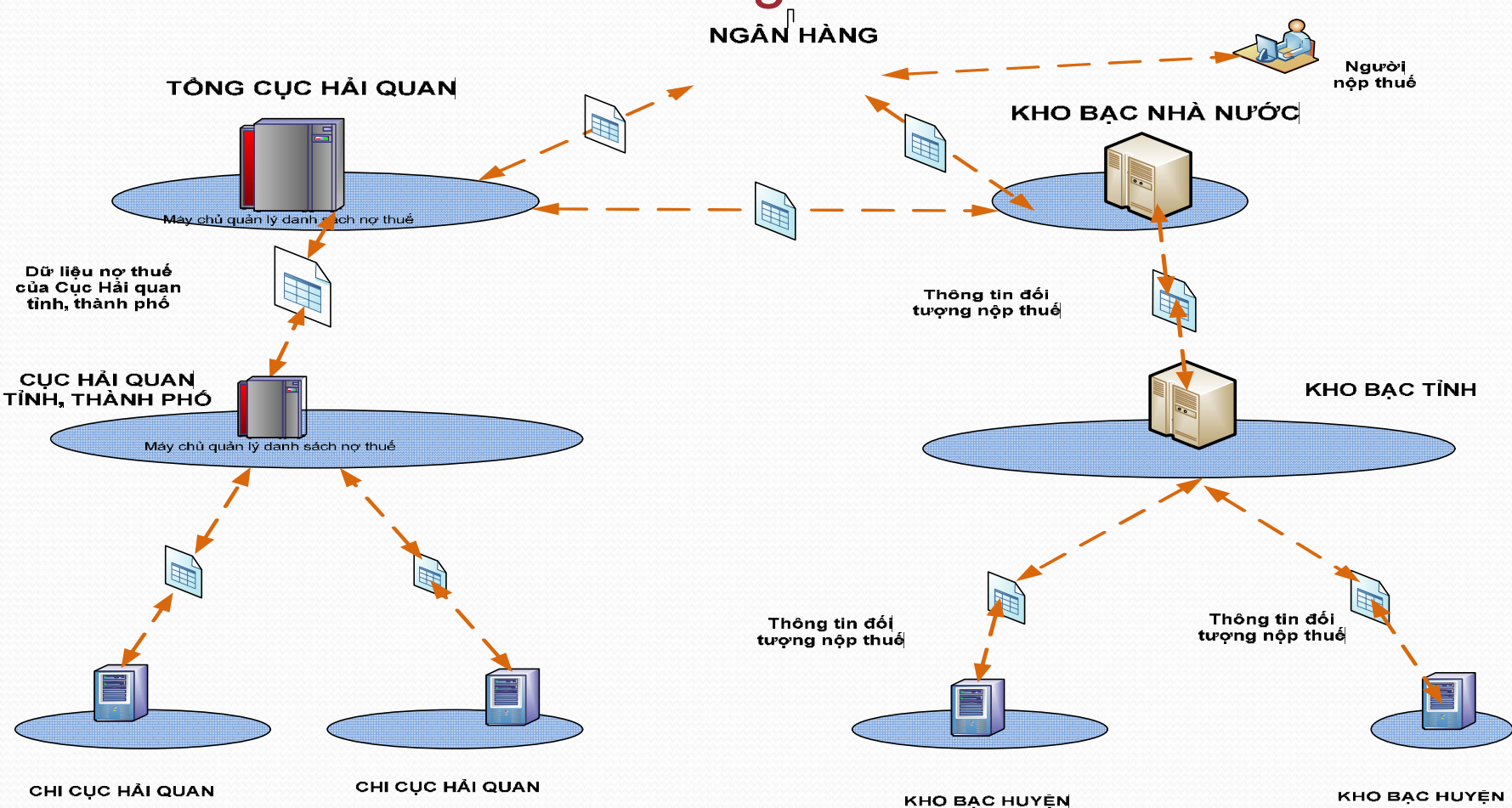
- Trong trường hợp không đáp ứng được quy định về chứng từ thanh toán thì việc hoàn thuế được thực hiện bằng cách **kiểm tra trước, hoàn thuế sau** theo quy định tại **Điểm 8d, Điều 127 Thông tư 128/2013/TT-BTC**:

Một số trường hợp lưu ý

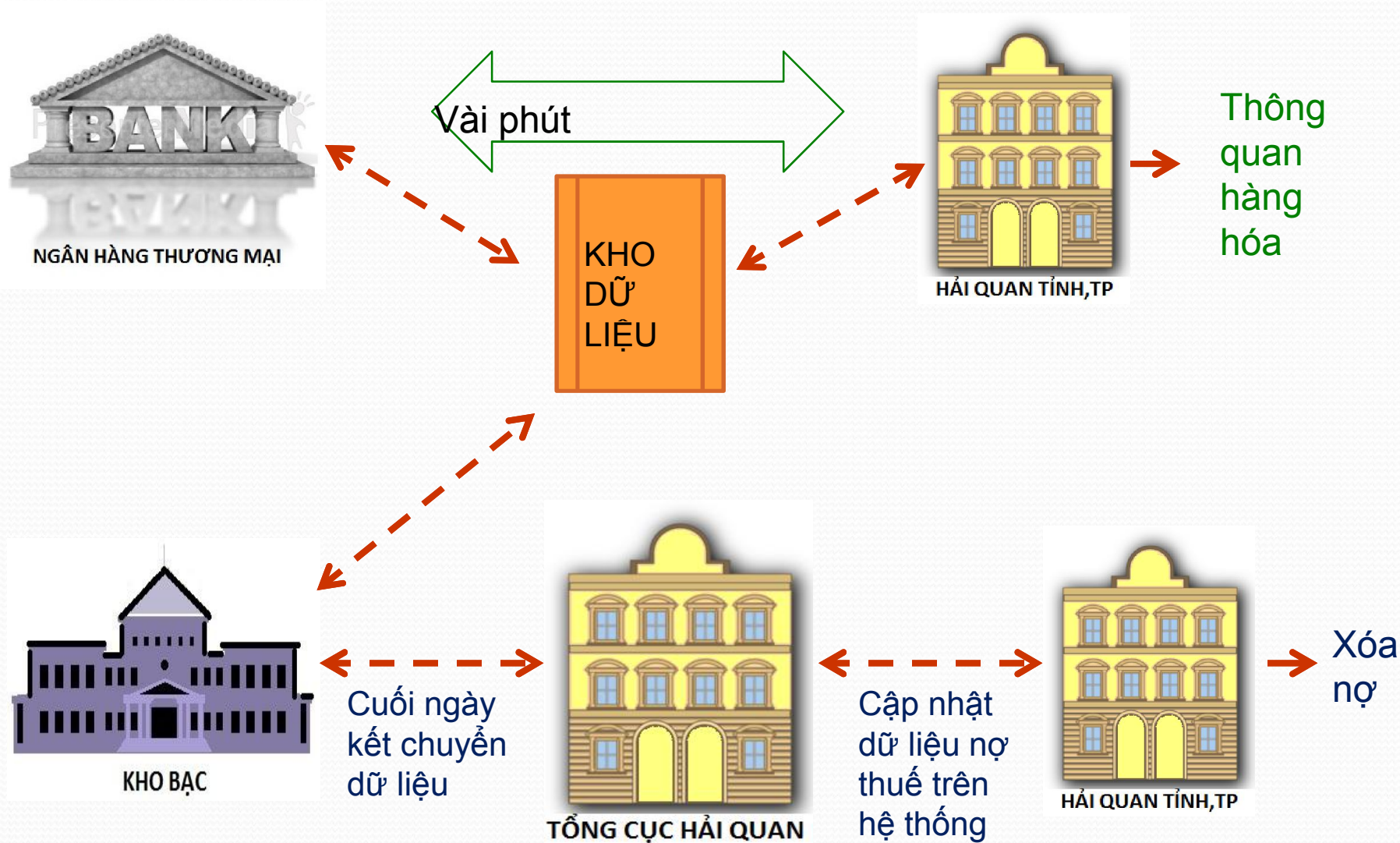
- Trong quá trình thực hiện, nếu có trường hợp mức thuế giá trị gia tăng tại Biểu thuế suất thuế GTGT theo Danh mục Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi không phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư này thì thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này. Trường hợp mức thuế GTGT áp dụng không thống nhất đối với cùng một loại hàng hóa nhập khẩu và sản xuất trong nước thì cơ quan thuế địa phương và cơ quan hải quan địa phương báo cáo về Bộ Tài chính để được kịp thời hướng dẫn thực hiện thống nhất

Quy trình trao đổi thông tin chứng từ nộp thuế

2. Mô hình trao đổi thông tin



PHỐI HỢP THU SONG PHƯƠNG



CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH
Phòng Thuế xuất nhập khẩu

Trân trọng cảm ơn

**Mọi thắc mắc, quý vị có thể gửi về
Phòng thuế XNK để được giải đáp.**

ĐT: 38223506.